

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày: 16/6/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tiên Vụ và ông Nguyễn Đình Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Lục Thị Ninh H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Ber M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Trần Xuân T cho bà Lục Thị Ninh H vay nhiều lần với tổng số tiền là 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 30/8/2018, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và bà Lục Thị Ninh H hẹn 03 (ba) tháng sau sẽ trả tiền ông Trần Xuân T.

- Ngày 16/10/2018, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và bà Lục Thị Ninh H hẹn 15 (mười lăm) ngày sau sẽ trả tiền cho ông Trần Xuân T.

- Ngày 29/01/2019, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) và bà Lục Thị Ninh H hẹn 15 (mười lăm) ngày sau sẽ trả tiền cho ông Trần Xuân T.

Khi vay, bà Lục Thị Ninh H viết giấy vay tiền và đưa cho ông Trần Xuân T cất giữ. Chữ ký và chữ viết tại các giấy vay tiền ngày 30/8/2018; ngày 16/10/2018 và ngày 29/01/2019 đều do bà Lục Thị Ninh H ký và viết ra. Để làm tin bà Lục Thị Ninh H đã đưa cho ông Trần Xuân T các giấy tờ sau: 01 thẻ ATM đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định nâng lương đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh nhân dân đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định phát thẻ đảng đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh thư quân đội số thẻ 33A032018876 đề tên Lục Thị Ninh H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K544416 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04 tháng 9 năm 1997 cho ông Y Krông C (thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Y Ber M và bà Lục Thị Ninh H vào ngày 30/3/2018).

Về lãi suất: Ông Trần Xuân T và bà Lục Thị Ninh H tự thỏa thuận với nhau về lãi suất và không thể hiện trong các giấy vay tiền.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù ông Trần Xuân T đã nhiều lần yêu cầu bà Lục Thị Ninh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Lục Thị Ninh H vẫn không chịu trả nợ cho ông Thắng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc bà Lục Thị Ninh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T 166.000.000đ tiền vay gốc và tiền lãi suất 20%/năm/166.000 đồng kể từ ngày hai bên xác lập hợp đồng vay tiền (ngày 29/01/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trường hợp bà Lục Thị Ninh H thanh toán xong số tiền vay gốc và tiền lãi trên cho ông Trần Xuân T thì ông Trần Xuân T tự nguyện và có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ trên cho bà Lục Thị Ninh H.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y Ber Mdrang trình bày:* Ông Y Ber M và ông Trần Xuân T không có mối quan hệ và không có mâu thuẫn gì. Tôi với bà Lục Thị Ninh H kết hôn năm 2014 tuy nhiên vào ngày 30/12/2022 đã được Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong thời gian chung sống với nhau, bà Lục Thị Ninh H có vay của ông Trần Xuân T với tổng số tiền 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Việc bà H vay tiền của ông Thắng tôi không biết và không liên quan. Bởi vì khi vay tiền ông T thì bà H không nói với tôi, bà H vay tiền ông T không sử dụng vào mục đích chung của gia đình, đồng thời bản thân tôi cũng không ký vào các

giấy vay tiền và không được sử dụng số tiền trên nên tôi không có nghĩa vụ phải liên đới trả tiền cho ông T.

Quá trình vay tiền của ông T, bà H có đưa cho ông T các giấy tờ tùy thân của bà H và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 544416 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/9/1997 cho ông Y Krông C (thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Y Ber M, bà Lục Thị Ninh H vào ngày 30/3/2018). Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tôi không có yêu cầu độc lập.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tổng đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn bà Lục Thị Ninh H đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn bà Lục Thị Ninh H đều vắng mặt không có lý do, không hợp tác với Tòa án về việc giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lục Thị Ninh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T số tiền 166.0000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí: Bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lục Thị Ninh H cư trú tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải trả tổng số tiền 166.000.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng) nợ gốc và lãi suất phát sinh. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã triệu tập bị đơn bà Lục Thị Ninh H đến Tòa án để làm việc và trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn theo giấy vay tiền ngày 30/8/2018; ngày 16/10/2018; ngày 29/01/2019.

Tại Bản kết luận giám định số 438/KL-KTHS, ngày 14/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Lục Thị Ninh H dưới mục “Người viết giấy”, “Người vay” và “Người viết giấy mượn” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Lục Thị Ninh H trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5, do cùng một người ký và viết ra”*.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 30/8/2018, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 16/10/2018, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Ngày 29/01/2019, bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Tổng cộng bà Lục Thị Ninh H vay ông Trần Xuân T tổng số tiền 166.000.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, đến thời hạn bà Lục Thị Ninh H chưa trả nợ cho ông Trần Xuân T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lục Thị Ninh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T tổng số tiền vay gốc 166.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

[2.2] Về tiền lãi: Tại hợp đồng vay tiền đề ngày 30/8/2018; ngày 16/10/2018 và ngày 29/01/2019 các bên không thỏa thuận tiền lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính tiền lãi suất 20%/năm trên nợ gốc 166.000.000 đồng kể từ ngày 29/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là hợp lý và đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm. Cụ thể như sau: Từ ngày 29/01/2019 đến ngày 16/6/2023 = 166.000.000 đồng x (1599 ngày : 365 ngày) x 20% = 145.443.000 đồng (làm tròn số).

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T tổng số tiền 311.443.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 166.000.000 đồng và tiền lãi 145.443.000 đồng.

[3] Đối với: 01 thẻ ATM đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định nâng lương đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh nhân dân đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định phát thẻ đảng đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh thư quân đội số thẻ 33A032018876 đề tên Lục Thị Ninh H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K544416 được Ủy ban nhân dân huyện Lắc cấp ngày 04 tháng 9 năm 1997 cho ông Y Krông C (thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Y Ber M và bà Lục Thị Ninh H vào ngày 30/3/2018). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày để làm tin và đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 30/8/2018 và ngày 16/10/2018 bà Lục Thị Ninh H đã đưa cho nguyên đơn ông Trần Xuân T các tài sản và 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và hiện nay nguyên đơn đang lưu giữ. Trong trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn tự nguyện trả lại các tài sản và bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại các tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông Y Ber M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí hợp lý cho việc giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải chịu 4.860.000 đồng về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết. Nguyên đơn ông Trần Xuân T không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải trả 4.860.000 đồng cho ông Trần Xuân T về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (theo mức 311.443.000 đồng x 5% = 7.786.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

1. Buộc bà Lục Thị Ninh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân T tổng số tiền 311.443.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 166.000.000 đồng và tiền lãi 145.443.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Xuân T khi bị đơn bà Lục Thị Ninh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Xuân T thì ông Trần Xuân T phải trả lại cho bà Lục Thị Ninh H các tài sản: 01 thẻ ATM đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định nâng lương đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh nhân dân đề tên Lục Thị Ninh H; 01 quyết định phát thẻ đảng đề tên Lục Thị Ninh H; 01 chứng minh thư quân đội số thẻ 33A032018876 đề tên Lục Thị Ninh H; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K544416 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04 tháng 9 năm 1997 cho ông Y Krông C (thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Y Ber M và bà Lục Thị Ninh H vào ngày 30/3/2018).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải trả ông Trần Xuân T số tiền 4.860.000 đồng về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

4. Về án phí:

- Bị đơn bà Lục Thị Ninh H phải chịu 7.786.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại ông Trần Xuân T 7.138.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0019627 ngày 01/3/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

